

Số: 05 /BC-UBND

Đakrông, ngày 06 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới
năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2021**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ban Chỉ đạo huyện đã tập trung chỉ đạo kiểm tra, rà soát, thống nhất các hạng mục công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế, đề xuất của địa phương và theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện trong thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 41-CTr/HU ngày 13/10/2017 của Huyện ủy về xây dựng Nông thôn mới; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 26/7/2018 của HĐND huyện về chương trình xây dựng Nông thôn mới huyện Đakrông giai đoạn 2018-2020. UBND huyện, BCĐ huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức nhiều cuộc họp, nhiều phiên làm việc với các xã về triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, đặc biệt đối với xã Triệu Nguyên để phân đầu đạt chuẩn vào cuối năm.

2. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

2.1 Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp huyện đến xã, thôn

- Cấp huyện: Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia huyện được thành lập vào năm 2017 (thay cho BCĐ Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới huyện) đến nay đang hoạt động ổn định, không có sự thay đổi.

- Cấp xã: Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng Nông thôn mới của 12/12 xã¹ hàng năm được kiện toàn, củng cố; về cơ cấu tổ chức gồm có: Trưởng Ban chỉ đạo là Bí thư Đảng ủy, Phó trưởng ban trực là Chủ tịch UBND và các thành viên là Trưởng hoặc Phó của các Ban ngành, đoàn thể cấp xã.

- Cấp thôn: Ban phát triển thôn của 73/73 thôn/12 xã (sau khi sáp nhập theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Trị và 02 thôn sáp nhập theo Nghị quyết 31/NQ-CP) đã được củng cố, kiện toàn và hoạt động theo quy chế; về cơ cấu tổ chức, gồm 4-6 thành viên, gồm có: Trưởng Ban do

¹ Giảm 01 xã so với năm 2019

Thôn trưởng/Bí thư chỉ bộ đảm nhận, các thành viên là Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể của thôn.

2.2 Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp

Thực hiện theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy biên chế của văn phòng điều phối Nông thôn mới các cấp.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Nông thôn mới huyện hoạt động ổn định, trực tiếp tham mưu cho UBND huyện và Ban chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung trọng tâm.

- Cấp xã: 12/12 xã đã bố trí cán bộ chuyên trách về xây dựng Nông thôn mới, trong đó 9/12 xã bố trí công chức Địa chính - Nông nghiệp; 3/12 xã bố trí cán bộ trí thức trẻ 30a phụ trách xây dựng Nông thôn mới.

3. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng Nông thôn mới các cấp

Phối hợp với Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh tổ chức 02 lớp tập huấn về Chương trình Nông thôn mới cho 100 cán bộ xây dựng Nông thôn mới cấp huyện, xã và thôn bản. Thông qua các lớp tập huấn, hội thảo đã giúp cán bộ thực hiện Chương trình cập nhật được nội dung các văn bản của Trung ương, của tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình Nông thôn mới; chủ động tham mưu triển khai thực hiện chương trình.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong xây dựng Nông thôn mới

Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền được tăng cường với nhiều hình thức đa dạng, phong phú theo hướng chuyên đề, chuyên sâu hơn. Phòng Văn hóa thông tin, Trung tâm VH-TT-TDTT huyện đã thường xuyên đăng tải các tin, bài, tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến cách làm hay, mô hình hiệu quả, các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có nhiều đóng góp trong xây dựng Nông thôn mới.

5. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình

Năm 2020, huyện Đakrông không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

6. Kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình

Trong năm, Ban chỉ đạo huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn tổ chức 2 đợt kiểm tra, giám sát tại các xã; phân công các thành viên BCD, và Văn phòng Điều phối Nông thôn mới huyện kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc các địa phương thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề ra các giải pháp thực hiện có hiệu quả Chương trình.

Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã tổ chức 04 đợt kiểm tra, giám sát chuyên đề về tình hình thực hiện xây dựng Nông thôn mới của các xã, các cơ quan ban ngành cấp huyện; phối hợp với đoàn kiểm tra của liên Sở để kiểm tra qua trình thực hiện Chương trình NTM tại xã A Ngo và Húc Nghì với các nội dung như: tình hình hoạt động BCD, BQL cấp xã, kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chí xây

dựng Nông thôn mới, tình hình triển khai thực hiện các hạng mục hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn từ nguồn vốn Chương trình NTM và nguồn vốn lồng ghép của các chương trình dự án khác. Thông qua các đợt kiểm tra, đã kịp thời phát hiện những tồn tại, vướng mắc từ đó có giải pháp khắc phục, giúp cho địa phương tháo gỡ khó khăn để thực hiện có hiệu quả Chương trình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng Nông thôn mới

1.1. Tổng nguồn lực xây dựng Nông thôn mới năm 2020: Ước thực hiện là 166.108 triệu đồng, bao gồm: Vốn Nông thôn mới: 62.848 triệu đồng (Vốn sự nghiệp: 6.979 triệu đồng, vốn ĐTPT 55.869 triệu đồng), vốn lồng ghép: 103.260 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 158.190 triệu đồng
- Vốn tín dụng: 0 triệu đồng
- Vốn doanh nghiệp và vốn khác: 4.450 triệu đồng
- Dân đóng góp: 3.468 triệu đồng

1.2. Nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ cho các lĩnh vực:

- Tổng vốn: 166.108 triệu đồng, trong đó:
- Hỗ trợ phát triển sản xuất: 12.613 triệu đồng
 - Xây dựng cơ sở hạ tầng: 143.745 triệu đồng
 - Lĩnh vực khác: 9.750 triệu đồng

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng Kinh tế - Xã hội nông thôn

Nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn năm 2020: 143.745 triệu đồng, trong đó:

- Giao thông: 72.394,53 triệu đồng
- Thủy lợi: 1.500 triệu đồng
- Trường học: 30.288,71 triệu đồng
- Văn hóa: 12.128 triệu đồng
- Môi trường (nước sinh hoạt): 8.613,17 triệu đồng
- Điểm mua bán tập trung: 1.895 triệu đồng
- DA tái định cư, du lịch: 14.379 triệu đồng
- Các công trình khác: 2.546,59 triệu đồng

2.1. Hạ tầng Kinh tế - Xã hội

Kết cấu hạ tầng thiết yếu của địa phương được tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, từng bước đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh.

a. Tiêu chí số 2: Giao thông

Năm 2020, thực hiện đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp 73 hạng mục đường giao thông nông thôn: Xây dựng mới 31 công trình với tổng chiều dài 23,558km; nâng cấp: 11 tuyến với chiều dài 7,6 km và duy tu bảo dưỡng 28 tuyến đường với tổng chiều dài 120,88km ở nhiều lượt tuyến đường giao thông nông thôn. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng là 72.394,53 triệu đồng, chiếm 43,9% trong tổng vốn.

Tính đến nay, tình hình giao thông của các xã như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được cứng hóa đạt chuẩn: Tổng chiều dài được cứng hóa đạt chuẩn 139/149 km đạt 87,5%. So với quy chuẩn có 11/12 xã cơ bản đã đạt chuẩn; riêng, 01 xã: A Vao chưa đạt do các tuyến đường xã chưa đạt chuẩn.

- Chỉ tiêu 2.2: Đường trục thôn, bản, đường liên thôn cứng hóa đạt chuẩn: Tổng chiều dài được cứng hóa đạt chuẩn 133,1/199,8 km đạt 62,7%. So với quy chuẩn có 05/12 xã² đạt chuẩn.

- Chỉ tiêu 2.3: Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Tổng chiều dài được cứng hóa đạt chuẩn 59,8/103,6 km đạt 53,2%. So với quy chuẩn có 06 xã³ đạt chuẩn.

- Chỉ tiêu 2.4: Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Tổng chiều dài được cứng hóa đạt chuẩn 45,7/117,5 km đạt 39%. So với quy chuẩn có 04 xã⁴ đạt chuẩn.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 4 xã (Mò Ó, Ba Lòng, Triệu Nguyên, A Ngo) đạt chuẩn tiêu chí về Giao thông.

b. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

UBND huyện đã đầu tư trên 1.500 triệu đồng, chủ yếu để duy tu, sửa chữa, nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp. Đến nay, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động ổn định khoảng 755/894 ha đạt 84,4%. Tuy nhiên, do đặc thù của vùng miền núi các công trình thủy lợi chủ yếu là đập dâng được xây dựng trên địa hình phức tạp, trong mùa nắng hạn thường thiếu nước tưới, bên cạnh đó do ảnh hưởng của mưa lũ trong tháng 10/2020 đã làm 26 công trình bị hư hỏng, xuống cấp, tính bền vững của tiêu chí thủy lợi không cao.

Công tác phòng, chống thiên tai luôn được đảm bảo, các xã đều có phương tiện thiết yếu, đội ứng cứu đáp ứng yêu cầu trong công tác thiên tai tại địa phương.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện hiện có 12/12 xã về cơ bản đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi.

c. Tiêu chí số 4: Điện

² Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Tà Rụt, A Ngo

³ Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Tà Rụt, A Ngo, A Bung

⁴ Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, A Ngo

Hệ thống điện ở hầu hết các xã, thôn bản cơ bản duy trì ổn định. Đến nay, toàn huyện có 73/73 thôn bản với 9.154/9.281 hộ đạt 98,6% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia. Còn 03 cụm lớn với 66 hộ dân cư chưa có điện (Thôn Xa Vi, xã Hướng Hiệp với 24 hộ, xã Tà Long với các thôn Pa Hy: 25 hộ, A Đu 17 hộ).

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 12/12 xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn tiêu chí Điện.

d. Tiêu chí số 5: Trường học

UBND huyện tiếp tục đầu tư 30.288,71 triệu đồng để đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường lớp học các cấp theo hướng đạt chuẩn. Đến nay, 09/32 trường học thuộc các xã đạt chuẩn quốc gia, chiếm 28,12%; (trong đó: xã Ba Lòng: 02/3 trường đạt chuẩn; xã Hướng Hiệp: 01/4 trường; xã Tà Rụt: 02/2 trường đạt chuẩn, xã Mò Ó: 01/2 trường đạt chuẩn và Triệu Nguyên 2/2 trường đạt chuẩn, xã Ba Nang 1/3 trường đạt chuẩn).

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Có 02/12 xã (Triệu Nguyên, Tà Rụt) đạt chuẩn về Tiêu chí Trường học.

e. Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa

Công tác đầu tư xây dựng nhà văn xã, thôn bản theo hướng đạt chuẩn đang được huyện quan tâm; trong năm đã đầu tư 12.128 triệu đồng. Đến cuối năm 2020, toàn huyện có 4/12 xã (Mò Ó, Húc Nghi, A Ngo, Triệu Nguyên) đã có nhà văn hóa xã và sân thể thao cơ bản đạt chuẩn; 64/73 thôn của 13 xã có nhà sinh hoạt cộng đồng, trong đó có 34 nhà chưa đạt chuẩn do diện tích không đảm bảo và đã xuống cấp, xây dựng trước thời điểm thực hiện Chương trình.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 04/12 xã (Mò Ó, Triệu Nguyên, A Ngo, Húc Nghi) đạt chuẩn tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa.

g. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tính đến nay trên địa bàn của các xã chưa có chợ do chưa có vốn đầu tư, một số xã có điểm mua bán tập trung đang trong giai đoạn xây dựng tạo mặt bằng, hoàn thiện đưa vào kinh doanh, hoặc có điểm mua bán tập trung đảm bảo quy định.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 10/12 xã (trừ xã Tà Rụt và A Ngo) đạt chuẩn tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

h. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet, ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, sinh hoạt của người dân cũng như trong công tác quản lý, điều hành ở cơ quan công quyền cấp xã cơ bản đáp ứng nhu cầu đặt ra; riêng hệ thống truyền thanh xã đến các thôn đã được lắp đặt.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 11/12 xã (trừ xã Húc Nghi) đạt chuẩn tiêu chí Thông tin và truyền thông.

i. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

Hiện nay, trên địa bàn huyện còn trên 650 nhà ở tạm bợ chiếm 15% và trên 4.500 nhà chưa đạt chuẩn chiếm khoảng 50%.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện chỉ có 01 xã (Triệu Nguyên) đạt chuẩn tiêu chí Nhà ở.

2.2. Kinh tế và tổ chức sản xuất

a. Tiêu chí số 10: Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người của người dân vùng nông thôn trong toàn huyện qua các năm tăng lên đáng kể. Năm xuất phát điểm (đầu năm 2011) thu nhập bình quân trên đầu người 4 triệu đồng/người/năm, kết thúc giai đoạn 1 (năm 2015) đạt 14,5 triệu đồng/người/năm và cuối năm 2020, đạt 27,5 triệu đồng/người/năm, trong đó xã có thu nhập bình quân đầu người/năm cao, như: Triệu Nguyên: 36 triệu đồng.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện chỉ có 01 xã (Triệu Nguyên) đạt chuẩn tiêu chí Thu nhập.

b. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

Theo số liệu điều tra đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trong toàn huyện chiếm 29,46% (3.311/11.239 hộ), trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo vùng nông thôn 31,13% (3.104/9.970 hộ). Các xã có tỷ lệ hộ nghèo thấp là Triệu Nguyên 3,69% (11/298 hộ), Ba Lòng 7,37% (63/855 hộ); các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao: Xã A Vao 44,19%, Ba Nang 45,71%, Đakrông 41,59%, Tà Long 40%.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện chỉ có 01 xã (Triệu Nguyên) đạt chuẩn về tiêu chí Hộ nghèo.

c. Tiêu chí số 12: Lao động có việc làm

So với quy chuẩn Nông thôn mới: 12/12 xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn tiêu chí Lao động có việc làm.

d. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

Thực hiện Bộ tiêu chí mới (Theo Quyết định 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), trong năm có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp được thành lập chưa được đánh giá, 02 hợp tác xã (Van pa và Triệu Nguyên) đã chính thức đi vào hoạt động bước đầu đánh giá hoạt động tương đối hiệu quả.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 01 xã (Triệu Nguyên) đạt về Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất).

2.3. Văn hoá - xã hội - môi trường

a. Tiêu chí số 14: Giáo dục

- Chỉ tiêu 14.1:

+ Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi: Có 12/12 xã đạt chuẩn.

+ Kết quả xóa mù chữ và chống tái mù chữ: Đạt mức độ 1 gồm 3 xã⁵. Đạt mức độ 2 gồm 9 xã còn lại.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học: Có 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập Tiểu học mức độ 3

+ Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt mức độ 1 gồm có 02 xã⁶, 10 đơn vị còn lại đạt mức độ 2.

- Chỉ tiêu 14.2: các xã có 680/952 em học sinh của các xã tốt nghiệp THCS (niên khóa 2019-2020) đang theo học phổ thông, học nghề, đạt 71,5%, hiện có 7 xã⁷ có tỉ lệ học sinh tham gia học THPT và các cấp cao hơn đạt tỉ lệ trên 85%.

- Chỉ tiêu 14.3: Ước tính đến năm 2020, toàn huyện có 7.442/22.353 lao động có việc làm qua đào tạo đạt 33,29%. So với quy chuẩn có 6/12 xã⁸ đạt tỷ lệ 40% người lao động có việc làm qua đào tạo.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 03/12 xã (Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng) đạt chuẩn về Tiêu chí 14 (Giáo dục).

b. Tiêu chí số 15: Y tế

Hiện nay, 12/12 xã có trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia; tỷ lệ người dân tham gia BHYT là 37.710/38.626 người đạt 87,6 %. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể thấp còi ở các xã là 1.253/4702 chiếm 26,6%, có 8 xã đạt và 4 xã chưa đạt (Ba Nang, Tà Long, Húc Nghi, A Vao).

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 8/12 xã đạt về Tiêu chí 15 (Y tế).

c. Tiêu chí số 16: Văn hóa

Hiện các xã trên địa bàn huyện có 73/73 thôn của 12 xã được công nhận danh hiệu “thôn, bản văn hóa”

So với quy chuẩn Nông thôn mới: 12/12 xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn Tiêu chí 16 (Văn hóa).

d. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

Tổng vốn đầu tư trên 8.613,17 triệu đồng, chủ yếu xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Hiện nay, hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh là 7.959/9.707 hộ đạt 82%. Các khu vực công cộng, đường làng, ngõ xóm được quan tâm giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, mỹ quan, có 4.340/9.707 hộ gia đình có nhà tiêu cơ bản hợp vệ sinh đạt 44,7%, có 2.328/5062 hộ chăn nuôi gia súc có chuồng trại hợp vệ sinh, đạt 46%.

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 01 xã (Triệu Nguyên) đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn Tiêu chí 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm).

⁵ Húc Nghi, Đakrông, A Bung

⁶ Đakrông, xã A Vao

⁷ xã A Bung, Tà Rụt, Đakrông, Hướng Hiệp, Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng

⁸ Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Tà Long, A Bung, Đakrông

2.4. Hệ thống chính trị

a. Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

Ước thực hiện đến cuối năm 2020, các xã trong toàn huyện có 264/298 cán bộ xã đạt chuẩn, đạt 87%, trong đó có 4 xã (Hương Hiệp, Tà Long, Ba Nang, A Ngo) không đạt chỉ tiêu 18.1 (cán bộ, công chức xã đạt chuẩn), 02 xã (Triệu Nguyên, Ba Lòng) đạt đảng bộ và chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (chỉ tiêu 18.3); 9 xã đạt chuẩn chỉ tiêu 18.6 (đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương). 11/12 xã đạt chuẩn các chỉ tiêu 18.2 (Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định), 18.4 (Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên), 18.5 (Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định).

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 02/12 xã (Triệu Nguyên, Ba Lòng) đạt chuẩn về Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị. (Tại thời điểm báo cáo, chỉ tiêu 18.3 - Đảng bộ và chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh huyện chưa đánh giá cuối năm).

b. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh

Quốc phòng - An ninh: Lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng; An ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước).

So với quy chuẩn Nông thôn mới: Toàn huyện có 10/12 xã (trừ xã A Ngo và Đakrông) đạt chuẩn Tiêu chí số 19 (Quốc phòng - An ninh).

3. Kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng Nông thôn mới các xã

Ước đến cuối năm 2020, tổng số tiêu chí đạt được trong toàn huyện là 121, bình quân đạt 10,08 tiêu chí/xã. Trong đó:

- Xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Xã Triệu Nguyên
- Xã đạt chuẩn từ 10 -14 tiêu chí: Ba Lòng (13 tiêu chí); Mố Ó (12 tiêu chí); Tà Rụt (10 tiêu chí).
- Xã đạt 9 tiêu chí: A Bung, A Ngo, Hương Hiệp và 05 xã còn lại đạt 8 tiêu chí.

(Phụ biểu 1 đính kèm)

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn Nông thôn mới theo Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh

Hiện nay, toàn huyện có 5 xã biên giới đặc biệt khó khăn với 35 thôn, tăng hơn 2 thôn so với cuối năm 2019 (tiếp nhận thôn Pire1 và Pire 2 theo Nghị quyết 31/NQ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ). Tổng số tiêu chí đạt được 279 tiêu chí, bình quân mỗi thôn đạt 7,97 tiêu chí.

1. Nhóm tiêu chí cơ sở hạ tầng

- Giao thông: 10/35 thôn đạt chuẩn, tăng 01 thôn so với năm trước, chiếm 28,6%.
- Thủy lợi: 30/35 thôn đạt chuẩn, tăng 3 thôn so với năm 2019, chiếm 85,8%.
- Điện: 34/35 thôn⁹ đạt chuẩn, tăng 3 thôn so với năm trước, chiếm 97,1
- Cơ sở vật chất văn hóa: 23/35 thôn đạt chuẩn, tăng 6 thôn so với năm 2019, chiếm 65,71%.
- Thông tin - Truyền thông: 22/35 thôn đạt chuẩn tăng 7 thôn so với năm 2019, chiếm 62,85%.
- Nhà ở: 02/35 thôn¹⁰ đạt chuẩn, chiếm 5,7%.

2. Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất

- Thu nhập: Chưa có thôn nào đạt chuẩn.
- Hộ nghèo: Hiện chỉ có 01/35 thôn đạt chuẩn: Thôn Cu Tà 2, xã A Bung.
- Lao động có việc làm: 35/35 thôn đạt chuẩn (100%).
- Tổ chức sản xuất: 4/35 thôn đạt chuẩn, chiếm 11,4%.

3. Nhóm tiêu chí Xã hội - Văn hóa - Môi trường

- Giáo dục: Chỉ có 01/35 thôn đạt chuẩn, chiếm 2,8%: Thôn Cu Tà 2, xã A Bung.
- Y tế: 20/35 thôn đạt chuẩn, tăng 6 thôn so với năm 2019, chiếm 55%.
- Văn hóa: 23/35 thôn đạt chuẩn, tăng 5 thôn so với năm 2019 chiếm 65%.
- Môi trường: Chưa có thôn nào đạt chuẩn.
- Hệ thống chính trị: Ước có 13/35 thôn đạt chuẩn, chiếm 37,1%.
- An ninh - trật tự: 35/35 thôn đạt chuẩn đạt 100%.
- Chỉ đạo xây dựng nông thôn: 26/33 thôn đạt chuẩn, tăng 3 tiêu chí năm 2019 chiếm 78,78%, trong đó: A Bung 6/7 thôn, A Ngo 7/7 thôn, A Vao 6/6 thôn, Tà Long 3/7 thôn, Ba Nang chưa có thôn đạt chuẩn tiêu chí chỉ đạo xây dựng nông thôn.

3. Hiện trạng các tiêu chí

- Số thôn đạt từ 15 đến 17 tiêu chí: 0/35 thôn.
- Số thôn đạt từ 10 đến 14 tiêu chí: 8/33 thôn (A Bung, Cu Tà 1, Cu Tà 2 và Ty Nê xã A Bung; thôn Tà Lao, Pa Hy xã Tà Long; thôn A La, xã A Ngo; thôn Rô Rô, xã A Vao).
- Số thôn đạt từ 5 đến 9 tiêu chí: 23/35 thôn.

⁹ Thôn Đá Bàn, xã Ba Nang chưa đạt chuẩn.

¹⁰ Thôn Ty Nê và Cu Tà 2, xã A Bung

- Thôn đạt dưới 05 tiêu chí: 04 thôn (Đá Bàn, Ba Nang, Ra Poong, xã Ba Nang; thôn Ngược, xã Tà Long đều đạt 4 tiêu chí).

(Phụ lục 2 đính kèm)

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; sự quản lý, điều hành của chính quyền và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội từ huyện đến cơ sở trong triển khai thực hiện Chương trình Nông thôn mới, đến nay, bộ mặt nông thôn huyện nhà có nhiều khởi sắc và chuyển biến theo hướng tích cực, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng tăng lên. Kết cấu hạ tầng đang tiếp tục được đầu tư hoàn thiện theo hướng đạt chuẩn; lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế môi trường được cải thiện đáng kể; hệ thống chính trị được củng cố; an ninh và quốc phòng được giữ vững ổn định. Những kết quả đạt được tạo nền vững chắc cho sự phát triển bền vững trong xây dựng Nông thôn mới những năm tiếp theo.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

2.1 Những hạn chế, tồn tại chủ yếu

- Công tác chỉ đạo thực hiện xây dựng Nông thôn mới ở hầu hết các xã thiếu quyết tâm, chưa phát huy hết nội lực, chỉ tiêu đạt chuẩn tiêu chí còn thấp so với kế hoạch, nhất là 2 xã (Mò Ó, A Ngo) không đạt chuẩn thêm tiêu chí nào; có 3 xã: Ba Lòng, A Bung, Tà Long bị giảm 01 tiêu chí so với năm 2019.
- Đến nay, toàn huyện có 04 tiêu chí mới có xã Triệu Nguyên đạt (tiêu chí Thu nhập, Nhà ở, Hộ nghèo; tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm).
- Sự phối hợp của một số thành viên, cơ quan phụ trách tiêu chí và cơ quan thường trực Văn phòng Điều phối Nông thôn mới huyện thiếu chặt chẽ.
- Việc xây dựng và nhận rộng các mô hình phát triển sản xuất chưa thực sự bài bản, khoa học và chậm tiến độ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng đến hiệu quả mô hình.
- Tai nạn giao thông, tệ nạn ma túy đang trở thành vấn đề đáng quan tâm trên địa bàn nông thôn của nhiều xã.
- Công tác rà soát, đánh giá hiện trạng các tiêu chí Nông thôn mới, chế độ thông tin báo cáo của các xã và một số cơ quan thành viên BCD huyện chưa thực hiện nghiêm túc.

2.2 Nguyên nhân

- Các thành viên Ban chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới thiếu chủ động trong việc phối hợp tổ chức triển khai thực hiện, chưa bám sát quy chế hoạt động và địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi;

- Sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền từ tỉnh đến cơ sở còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra của Chương trình; thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhất là công tác lãnh đạo, điều hành của một số Ban chỉ đạo, Ban quản lý cấp xã chưa thể hiện trách nhiệm được giao, thiếu chủ động, không kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; trách nhiệm về quản lý của một số Phòng, Ban còn nhiều hạn chế, nhất là công tác hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc ngành, đơn vị phụ trách.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2021

I. MỤC TIÊU CỤ THỂ PHÂN ĐẦU NĂM 2021

- Duy trì xã Triệu Nguyên đạt chuẩn Nông thôn mới.
- Duy trì 121 tiêu chí đạt chuẩn năm 2020, phân đầu đến cuối năm 2021, toàn huyện có 138 tiêu chí đạt chuẩn, tăng 17 tiêu chí so với năm 2020; bình quân đạt 11,5 tiêu chí/xã; cụ thể là:
 - + Đạt 10 đến dưới 16 tiêu chí: 7 xã (Mò Ó, Ba Lòng, Tà Rụt, Hướng Hiệp, Húc Nghi, A Ngo, A Bung)
 - + 04 xã còn lại đạt 9 tiêu chí.
- Phân đầu có 3 xã thôn, bản đạt chuẩn Nông thôn mới (trong đó có 01 thôn bản thuộc 05 xã ĐBK khu vực biên giới)

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác tổ chức quản lý Chương trình

Tiếp tục kiện toàn BCD cấp huyện, BCD và BQL xây dựng Nông thôn mới từ cấp huyện đến cấp xã. Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, từng thành viên, phân cấp quản lý, cụ thể, rõ ràng, không để tình trạng né tránh, tập trung lãnh đạo với phương châm "để làm trước khó làm sau" không nóng vội, chạy đua thành tích.

Phát huy tốt quy chế dân chủ công khai, minh bạch, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh, điều chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân.

2. Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng Nông thôn mới

Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới tuyên truyền, vận động về Chương trình xây dựng Nông thôn mới bảo đảm thường xuyên, rộng khắp và chất lượng. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, tổ chức tọa đàm, hội thảo chuyên đề về xây dựng nông thôn mới nhằm bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ thực hiện công tác xây dựng Nông thôn mới các cấp, kỹ năng đánh giá hiện trạng và cập nhật hệ thống dữ liệu báo cáo Nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới cấp xã.

3. Phát triển kinh tế

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng Nông thôn mới và tất cả các Đề án phát triển sản xuất; triển khai thực hiện đồng bộ đề án xây dựng Nông thôn mới, các đề án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh: Nhân rộng các mô hình điển hình đã được kiểm chứng trên địa bàn, đặc biệt là mô hình chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, chế biến; theo nhóm sản phẩm chủ lực. Quan tâm đầu tư chuyên sâu cho các cây trồng có giá trị nông sản hàng hóa, lĩnh vực sản xuất giống, quy trình sản xuất công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch; đảm bảo an toàn dịch bệnh, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, quan tâm công tác chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung chỉ đạo phát triển nhanh các hình thức tổ chức sản xuất (HTX, tổ hợp tác,...) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông sản hàng hóa, sản xuất có sự liên kết 4 nhà, đặc biệt tăng cường mối quan hệ liên kết giữa người sản xuất, tổ hợp tác với doanh nghiệp, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc người dân có lãi, đảm bảo mối liên kết bền vững, ổn định đầu ra cho sản phẩm.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng

Khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của các chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ vào địa bàn; đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình Nông thôn mới phải thực hiện theo cơ chế trao quyền chủ động cho cộng đồng dân cư, tự bàn bạc, quyết định theo quy định mức hỗ trợ được HĐND, UBND tỉnh phân bổ, ưu tiên thực hiện ở thôn, bản. Quan tâm xây dựng hạ tầng thiết yếu trong các lĩnh vực phục vụ nông nghiệp, Y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh môi trường,...; Áp dụng rộng rãi mẫu thiết kế định hình các công trình xây dựng cơ bản, đơn giản hóa tối đa thủ tục đầu tư, thủ tục tài chính, nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Văn hóa - xã hội - môi trường

Tạo sự chuyển biến rõ nét trong các hoạt động Văn hóa - Xã hội, xây dựng đầy đủ các quy chế, quy ước, hương ước trong tất cả các xã, thôn bản; tăng cường thiết chế văn hóa, nhất là ở cấp thôn. Đẩy mạnh thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng Nông thôn mới"; thực hiện phong trào xây dựng làng, xã, gia đình văn hóa. Bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể,... quan tâm cao cho công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu.

6. Hệ thống chính trị

Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị; Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, phấn đấu 100% cán bộ đạt chuẩn vào cuối năm 2020, quan tâm cơ cấu, bố trí cán bộ nữ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định, kiên quyết không bố trí cán bộ không đạt chuẩn vào các chức danh chủ chốt trong hệ thống

chính trị ở các địa phương; khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã, 100% xã có cán bộ chuyên trách Nông thôn mới. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tất cả các xã đảm bảo ổn định thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, địa phương về an ninh trật tự, trấn áp tội phạm.

7. Xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới

Triển khai quy hoạch và xây dựng đề án NTM giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030, tiến hành hoàn thiện hồ sơ để công nhận thôn đạt chuẩn Nông thôn mới.

BCĐ huyện, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới huyện, các cơ quan phụ trách tiêu chí có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn, cùng với các xã rà soát đánh giá hiện trạng các tiêu chí, đề ra giải pháp để duy trì các tiêu chí đã đạt chuẩn và phấn đấu đạt chuẩn các tiêu chí theo mục tiêu, kế hoạch năm 2021.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2021

1. Tổng nhu cầu vốn để thực hiện cho các lĩnh vực của Chương trình năm 2020: 200.000 triệu đồng.

2. Dự kiến khả năng huy động các nguồn lực

- Vốn ngân sách nhà nước: 182.500 triệu đồng
- Nguồn doanh nghiệp và vốn khác: 15.000 triệu đồng
- Nguồn tín dụng: 0 triệu đồng
- Nguồn đóng góp của dân: 2.500 triệu đồng

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2021, UBND huyện báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND, BCĐ tỉnh (B/c);
- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT.HĐND huyện (B/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- UBND các xã
- Thành viên BCĐ các CT MTQG huyện
- Lưu: VT, CVNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đại Lợi



Phụ biểu số 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NÔNG THÔN CÁC XÃ NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 05 /BC-UBND ngày 06 /01/2021 của UBND huyện Đakrông)

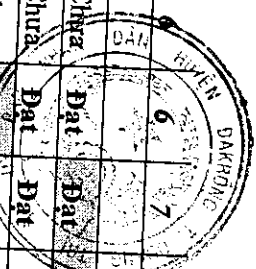
TT	Tên xã	19 tiêu chí quốc gia về xây dựng Nông thôn mới																			Thực hiện năm 2020	KH năm 2021
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC văn hóa	CSHT thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	LĐ có việc làm TX	TC sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và ATTP	HT ch trả và tiếp cận PL	QP và an ninh		
1	H. Hiệp	x	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
2	Mỏ Ó	x	x	x	x	21	x	x	x				x			x	x	x	21	x		
3	Tr. Nguyên	x	x	x	x			x	x	x			x								x	9
4	Ba Lòng	x	x	x	x	R	21	x	x				x	x	x	x	x	x				10
5	Đakrông	x			x		21	x	x				x					21	x			19
6	Ba Nang	x			x			x	x				x				x					16
7	Tà Long	x		x	x			x	x				x				x		21			9
8	Húc Nghi	x		x	x			x	x				x			R	x			x		9
9	Tà Rụt	x	x	x	x	x	21	x	21				x			21	x					9
10	A Vao	x		x	x			x	x				x			x	x			x		10
11	A Ngo	x	x	x	x		x	21	x				x				x		21	x		11
12	A Bung	x		x	x			x	x				x				x					9
Tổng cộng		12	4	12	12	2	2	3	5	1	0	1	12	0	3	9	12	1	2	6	121	138

Ghi chú:

. Ký hiệu chữ X in đậm thể hiện tiêu chí đạt chuẩn năm 2020, xhr có xu hướng tốt nếu không khác phục trong vụ Đông xuân 2020-2021; riêng tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật chỉ "ước" thực hiện, hiện tại huyện chưa đánh giá tiêu chí này. số 21 biểu thị các tiêu chí có kế hoạch đạt chuẩn vào năm 2021

Phụ lục số 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NÔNG THÔN CÁC XÃ BIÊN GIỚI NĂM 2020
 Kiểm tra theo Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 06/01/2021 của UBND huyện)

17 tiêu chí xây dựng thôn bản Nông thôn mới thôn, bản thuộc các xã ĐBKK khu vực biên giới																			
TT	Xã/thôn	Giao thông	Thuận lợi	Điện	CSVC văn hóa	Th. tin truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	LĐ có việc làm	Tổ chức SX	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường	Hệ thống chính trị	An ninh Trật Tự	Chỉ đạo XD NTM	Tổng TC đạt chuẩn
I	Xã A Bung	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	La Hót	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	9
2	A Bung	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	10
3	Cu Tài 1	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	10
4	Cu Tài 2	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	10
5	Ty Nê	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	13
6	A Luông	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	11
7	Cựp	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	8
8	Pire 1	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	9
9	Pire 2	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	9
Số thôn đạt		2	9	9	4	9	2	0	1	9	0	1	6	9	0	9	9	9	88
II	Xã A Ngo																		
1	La Lay	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	8
2	A Đeng	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	7
3	A Rông trên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	8
4	A Rông dưới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	9
5	A La	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	10
6	A Ngo	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	8
7	Kỳ Neh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	9



17

Số thôn đạt		6	7	7	6	0	0	0	0	7	0	0	5	0	0	1	7	7	59
III	Xã A Vao																		
1	Ro Rô	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	
2	A Vao	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	10
3	Tân Di 1	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	9
4	Tân Di 2	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	9
5	Tân Di 3	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	9
6	Pa Ling	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	8
Số thôn đạt		0	6	6	5	6	0	0	0	6	0	0	3	6	0	1	6	6	8
IV	Xã Ba Nang																		
1	Ra Lây	Chưa Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	51
2	Ba Nang	Chưa Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	5
3	Dá Bàn	Chưa Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	4
4	Sa Trám	Chưa Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	4
5	Ra Poong	Chưa Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	5
Số thôn đạt		0	5	4	0	1	0	0	0	5	1	0	0	1	0	0	5	0	22
V	Xã Tà Long																		
1	Trài cá	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	7
2	Tà Lao	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	10
3	Pa Hy	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	11
4	Ly Tôn	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Đạt	Đạt	Đạt	8
5	Xi Pa	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	7
6	Chai	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	8
7	Ba Ngây	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	6
8	Ngưc	Chưa Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Đạt	Chưa	Chưa	Đạt	Chưa	6
Số thôn đạt		2	4	8	7	0	0	0	0	8	3	0	6	7	0	2	8	4	59
Tổng (5 xã)		10	30	34	23	22	2	0	0	1	35	4	1	20	23	0	13	35	279